

CÁC THIÊN SƯ TRUNG HOA VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVII - XVIII

*Lê Thị Thu Hiền **

TÓM TẮT

Trong công cuộc định cư và mở rộng bờ cõi, xây dựng một vương triều mới vững chắc trên vùng đất mới phương Nam, các chúa Nguyễn đã không ngần ngại lựa chọn Phật giáo làm chỗ dựa lâu dài cho kế sách thu phục nhân tâm, bình ổn vương quyền. Thực tế cho thấy, các chúa Nguyễn, đặc biệt là chúa Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Phúc Khoát đã thực thi nhiều chính sách để phát triển Phật giáo như trùng tu và xây dựng chùa chiền, thỉnh mời cao tăng và pháp khí từ Trung Hoa sang, chấn chỉnh sự suy đốn của Phật giáo... Tuy nhiên, nói đến sự thịnh hành của Phật giáo Đàng Trong ở hai thế kỷ XVII - XVIII, không thể không đề cập đến một nhân tố cũng rất quan trọng, đó là công lao của các vị thiên sư Trung Hoa với sự nghiệp truyền giáo/hoằng hóa không mệt mỏi tại vùng đất “ác địa” này.

1. Đặt vấn đề

Nhờ sự vận kế khôn ngoan của Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm “*Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân*”, Nguyễn Hoàng đã tìm đến với vùng đất Thuận - Quảng, nơi được mệnh danh là “*Ô châu ác địa*”. Chỉ một thời gian ngắn, với những chính sách đối nội và đối ngoại khôn khéo, Nguyễn Hoàng đã dần dần biến hai xứ Thuận - Quảng thành một vùng đất trù phú. Lãnh thổ Đàng Trong tiếp tục mở rộng về phương Nam bởi những người kế tục sự nghiệp chúa Tiên - Nguyễn Hoàng. Lúc này, bên cạnh việc xây dựng bộ máy chính quyền, quân đội, đặt luật lệ, phát triển kinh tế, vấn đề đặt ra là phải sử dụng hệ tư tưởng nào để cai trị ở vùng đất mới? Câu trả lời mà các chúa Nguyễn lựa chọn là: *Phật giáo*.

Dù quyết định của các chúa Nguyễn xuất phát từ nguyên nhân nào thì rốt cuộc có thể thấy, việc chọn Phật giáo để an dân trong buổi đầu là sách lược khôn ngoan của chúa Nguyễn “*Phật giáo, một mặt đẩy mạnh bản sắc dân tộc của người Việt và mặt khác làm lắng đọng các mối lo âu của người di dân mà không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của những người cai trị*” [3; tr.194]. Tuy nhiên, chính sách này đã tỏ ra rất hiệu quả nên về sau dù xây dựng vương triều theo mô hình Nho giáo song chúa Nguyễn vẫn duy trì và phát triển Phật giáo. Vị thế của Phật giáo càng được củng cố, nâng cao hơn dưới thời cai trị của các vị chúa quy y theo Phật như chúa Nguyễn Phúc Chu, chúa Nguyễn Phúc Khoát... Các chúa Nguyễn thực sự là những người sùng mộ đạo Phật, tôn trọng chư tăng, làm chùa, tạc tượng, đúc chuông, v.v... Chính vì lẽ đó mà nhiều thiên sư từ Trung Hoa đã đến Đàng Trong hoằng hóa, góp phần tạo sự hưng thịnh cho Phật giáo nơi đây.

Theo *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang, vào thế kỷ XVII, ở Đàng Trong có sự hiện diện của các thiên sư Trung Hoa sau: Thiên sư Viên Cảnh, Viên Khoan ở Quảng Trị; Thiên sư Minh Hoàng, Giác Phong, Từ Lâm, Thạch Liêm ở Thuận

Hóa; Thiền sư Pháp Bảo, Hưng Liên ở Quảng Nam; Thiền sư Pháp Hóa ở Quảng Ngãi; Thiền sư Nguyên Thiều ở Bình Định; Thiền sư Tế Viên ở Phú Yên.

Trên đây mới chỉ là các vị cao tăng có công khai sơn ra các ngôi cổ tự ở Đàng Trong và được sử sách ghi chép lại. Ngoài ra, đi theo các cao tăng này đến Đàng Trong còn có nhiều tăng sĩ Trung Hoa khác. Ví như đoàn của hòa thượng Thạch Liêm đến Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu mà về sau này khi viết lại chuyện hành trình của mình trong *Hải ngoại ký sự* ông cho biết: “...tăng chúng đi theo ta hơn 50, hành lý cũng bộn” nhưng do thuyền không đủ sức chứa nên “bớt lại nửa phần tăng chúng hành lý, cho theo hai thuyền đi sau” [2; tr.21]. Sự có mặt của các nhà sư Quảng Đông ở Đàng Trong trong những năm 60, 70 của thế kỷ XVII khi số lượng các nhà sư người Việt còn hạn chế, chưa thật sự thành thực trong Phật học và Phật giáo trên vùng đất mới, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc mở rộng ảnh hưởng của Phật giáo, gieo rắc tư tưởng yêu thương, nhân ái lên mảnh đất vốn được mệnh danh là “*ác địa*”.

2. Đóng góp của các thiền sư Trung Hoa đối với sự phát triển của Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII

2.1. Du nhập các dòng thiền mới của Phật giáo vào Đàng Trong

Trước sự thắng thế của Nho giáo thế kỷ XV, Phật giáo bị đẩy ra khỏi tầng lớp thống trị, chỉ còn duy trì trong dân gian như một thứ lớp văn hóa tư tưởng trong nông thôn. Từ thế kỷ XVI trở đi, chiến tranh liên miên, nhân dân khốn khổ, chính quyền trung ương suy yếu, Phật giáo lại được hưng khởi ở cả hai miền Bắc, Nam với việc trùng tu, xây dựng nhiều chùa chiền cùng sự truyền bá các dòng thiền mới.

Trước khi các thiền sư Trung Hoa đến Đàng Trong, ở đây đã có một số thiền sư người Việt theo phái thiền Trúc Lâm, nổi tiếng hơn cả là thiền sư Minh Châu - Hương Hải (1628 - 1725). Vì chúa Nguyễn nghi ngờ ông có liên lạc với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài nên đưa đi an trí ở Quảng Nam, khiến ông bất mãn tìm cách vượt biển ra Bắc cùng 50 đệ tử vào năm 1628. Có lẽ một phần vì thế mà các thiền sư phái Trúc Lâm hoàng hóa ở Đàng Trong sợ bị liên lụy đã phải bỏ thiền phái Trúc Lâm nhập vào phái thiền Lâm Tế đang hoàng hóa ở Đàng Trong dưới sự lãnh đạo của Tổ sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch. Nguyên Thiều họ Tạ, pháp tự là Hoán Bích, người Quảng Đông. Ông theo thuyền buôn vào Đàng Trong năm 1665, cư trú tại phủ Quy Ninh (Bình Định). Năm 1683, ông lập chùa Thập Tháp Di Đà tại làng Thuận Chánh (nay thuộc huyện An Nhơn, Bình Định). Trong thời gian tu hành ông có ra Thuận Hóa dựng chùa Quốc Ân, xây tháp Phổ Đồng. Khi chúa Nguyễn Phúc Trăn nhờ ông về Trung Hoa thỉnh các tăng sĩ ở Trung Hoa sang Đàng Trong truyền bá Phật pháp do không tin dùng phái Trúc Lâm và lúc này Đàng Trong đã mất đi một số thiền sư phái Trúc Lâm (bỏ ra Đàng Ngoài hoặc ẩn tránh), Nguyên Thiều đã nhận lời và kết quả là khá đông các thiền sư phái Lâm Tế sang hoàng hóa ở Đàng Trong sau khi Nguyên Thiều qua Trung Hoa trở về.

Muộn hơn thiền phái Lâm Tế, vào nửa sau thế kỷ XVII ở Đàng Trong còn xuất

hiện thêm một thiền phái Trung Hoa khác - phái Tào Động. Người được coi đầu tiên đưa tông phái này vào Đàng Trong là thiền sư Hưng Liên, pháp danh Quả Hoằng, sang Đại Việt vào khoảng đời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687 - 1691), khai sơn chùa Tam Thai ở Quảng Nam (nay là Đà Nẵng) và được chúa Nguyễn tôn làm Quốc sư. Song người có công phát triển tông phái này ở Đàng Trong lại là thiền sư Thạch Liêm - thầy của thiền sư Hưng Liên. Có lẽ một phần vì công trình hoằng hóa và sự truyền thừa của ông đến nay vẫn chưa thể khảo cứu được, trong khi đó những hoạt động Phật pháp của sư Thạch Liêm tại Đàng Trong được ghi chép rất rõ qua *Hải ngoại ký sự*. Dù không ở lại Đàng Trong như các thiền sư Trung Hoa khác, nhưng ảnh hưởng của sư Thạch Liêm khá sâu rộng trong giới cầm quyền, nhất là đối với chúa Nguyễn Phúc Chu. Vị chúa Nguyễn này đã thọ giới Bồ Tát với hòa thượng Thạch Liêm vào năm 1695, được ban pháp danh là Hưng Long, đạo hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân. Vì những đóng góp cho Phật giáo nói riêng, văn hóa, xã hội Đàng Trong nói chung, thiền sư Thạch Liêm cùng với thiền sư Nguyên Thiều đã được tác giả *Việt Nam Phật giáo sử lược* đánh giá rất cao: “Hai Ngài này: Nguyên Thiều và Thạch Liêm là người rất có công đem văn hóa và học thuật Trung Quốc khai hóa cho dân ta xứ này” [5].

Nhìn chung, sự có mặt của các thiền sư Trung Hoa đã dẫn đến sự du nhập hai thiền phái mới ở Đàng Trong, góp phần làm phong phú thêm các hệ phái cũng như hệ tư tưởng Phật giáo ở Việt Nam.

2.2. Xây dựng chùa tháp, thỉnh kinh tạng, pháp khí

Một trong những công việc đầu tiên của các thiền sư Trung Hoa khi đến Đàng Trong là xây dựng chùa chiền làm nơi trú ngụ, tu hành và truyền đạo. Căn cứ vào *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang và *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong* của Nguyễn Hiền Đức, chúng ta biết được ở thế kỷ XVII có một số ngôi cổ tự đã được các thiền sư Trung Hoa xây dựng ở Đàng Trong, đó là: chùa Thập Tháp Di Đà (Bình Định), chùa Quốc Ân, Hà Trung (Thuận Hóa), chùa Kim Cang (Đồng Nai) do thiền sư Nguyên Thiều khai sơn; chùa Hàm Long (tức chùa Bảo Quốc ngày nay) ở Thuận Hóa do thiền sư Giác Phong khai sơn; chùa Từ Lâm (Thuận Hóa) do thiền sư Từ Lâm khai sơn; chùa Ấn Tông (nay là chùa Từ Đàm) ở Thuận Hóa do thiền sư Minh Hoằng - Tử Dung khai sơn; chùa Chúc Thánh (Quảng Nam) do thiền sư Minh Hải - Pháp Bảo khai sơn; chùa Thiên Ấn (Quảng Ngãi) do thiền sư Pháp Hóa khai sơn; chùa Linh Phong (Bình Định) do thiền sư Tịnh Giác - Thiện Tri khai sơn; chùa Hội Tông (Phú Yên) do thiền sư Tế Viên khai sơn.

Về quy mô và không gian của các ngôi chùa nói trên không có nhiều tư liệu để tham chiếu, chỉ có thể biết được chút ít qua mô tả của thiền sư Thạch Liêm trong *Hải ngoại ký sự*, ví như chùa Hà Trung ở Thuận Hóa (nay là Thừa Thiên - Huế): “...chùa sơn điện ngọc, lấp lánh trong bờ biển rừng tùng. Nước mây man mác, trập trùng bóng dương, phương phát chón Bồng lai Lang yển” [2; tr.133]

Cùng với việc xây chùa, đúc tượng, các thiền sư Trung Hoa còn giúp chúa

Nguyễn thỉnh danh tăng, kinh sách, pháp khí qua Đàng Trong. Sau khi thiền sư Hương Hải dẫn 50 đệ tử ra Đàng Ngoài gây nên tình trạng thiếu hụt tăng sĩ ở Phú Xuân và Đàng Trong, chúa Nguyễn Phúc Trấn đã nhờ thiền sư Nguyên Thiều về Trung Quốc thỉnh danh tăng, kinh sách, tượng Phật, pháp khí qua Đàng Trong. Hiện không có tài liệu nên không biết rõ thiền sư đã rước các vị tăng nào và đã thỉnh được bao nhiêu tượng Phật và pháp khí sang Đàng Trong, chỉ biết rằng sư Nguyên Thiều đã hoàn thành sứ mạng tốt đẹp, “*lập được nhiều công tích*” như bia “*Đại Việt quốc vương Sắc Tứ Hà Trung tự - Hoán Bích thiền sư tháp ký minh*” (Quốc vương Đại Việt viết bài ký và bài minh trên tháp của thiền sư Hoán Bích ở chùa Sắc Tứ Hà Trung) đã viết. Đến thời chúa Nguyễn Phúc Chu, theo lời thỉnh mời của chúa, thiền sư Thạch Liêm cùng mấy chục tăng sĩ mang theo một số kinh sách, Phật tượng, pháp khí lên thuyền từ Quảng Đông vượt biển Đông qua Hội An (Quảng Nam).

2.3. Góp phần phát triển/truyền bá rộng rãi Phật giáo ở Đàng Trong

Buổi đầu khi đến Đàng Trong, các thiền sư Trung Hoa chủ yếu dừng chân tại xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam như thiền sư Viên Cảnh, Viên Khoan trú tại Quảng Trị, thiền sư Minh Hoàng, Giác Phong, Từ Lâm trú tại Thuận Hóa, thiền sư Pháp Bảo, Hưng Liên trú tại Quảng Nam, thiền sư Pháp Hóa trú tại Quảng Ngãi, thiền sư Nguyên Thiều trú tại Bình Định, thiền sư Tế Viên trú tại Phú Yên. Về sau, cùng với quá trình Nam tiến của chúa Nguyễn, dấu chân hoàng hóa của một số thiền sư Trung Hoa lại tiếp tục in bước trên những miền đất lạ, mới được chinh phục mà điển hình là thiền sư Nguyên Thiều và các đệ tử của ông. Tại Đồng Nai, thiền sư Nguyên Thiều khai sơn chùa Kim Cang ở Đồng Nai, sau đó thiền sư Minh Vật - Nhứt Trí kế thế ở đó, thiền sư Thành Đàng dựng chùa Đại Giác, thiền sư Thành Nhạc dựng chùa Châu Thới và chùa Long Thiên, thiền sư Thành Chí dựng chùa Hoàng Long, chùa Hưng Long, Bửu Long trên núi Bửu Long... Từ Đồng Nai, các pháp tôn kế tục lại tiếp tục sự nghiệp của các tổ sư tỏa rộng hoàng hóa khắp miền Nam như Phật Ý - Linh Nhạc khai sơn chùa Từ Ân và Khải Tường, Thiệt Thoại - Tánh Tường khai sơn chùa Hoa Nghiêm (TP Hồ Chí Minh), Phật Tinh - Từ Nghiêm trụ trì chùa Hưng Long. Hòa thượng Từ Nghiêm có đệ tử là Tổ Trí - Khánh Hưng trụ trì chùa Hội Tôn (Bến Tre) và đệ tử của thiền sư Khánh Hưng mở rộng phạm vi hoàng hóa khắp miền Tây Nam Bộ... Nhờ vậy, thiền phái Lâm Tế của Phật giáo phát triển ngày càng mạnh, ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp dân chúng ở mọi nơi, từ thành thị đến thôn quê, núi rừng. Do đó, công lao của tổ sư Nguyên Thiều và các đệ tử của ông được nhà nghiên cứu sử Phật giáo là Nguyễn Hiền Đức đề cao trong công trình *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*: “*Tổ sư Nguyên Thiều và các đệ tử đã giúp Phật giáo phục hưng và phát triển ở Đàng Trong và ở vùng đất mới Đồng Nai; tiếp theo đó, các pháp tôn thuộc phái thiền Lâm Tế này tiếp nối ngọn đèn pháp, giúp cho Phật giáo hưng thịnh và phát triển cho đến ngày nay*” [4; tr.24].

So với phái Lâm Tế, ảnh hưởng của phái Tào Động ở Đàng Trong không mạnh mẽ bằng, truyền bá rộng rãi chủ yếu trong thời gian thiền sư Thạch Liêm đến Đàng

Trong thuyết pháp. Theo đề nghị của hòa thượng Thạch Liêm, chúa Nguyễn Phúc Chu ra lệnh cho các tăng sĩ ở Đàng Trong phải tập hợp về Phú Xuân để dự Đại giới đàn ở chùa Thiên Lâm dưới sự chứng minh của hòa thượng Thạch Liêm vào lễ Phật Đản năm Ất Hợi (1695), như thế mới được chúa cấp độ điệp và cho miễn sưu thuế. Chúa cũng cho hoàng gia và triều thần, ai có tín tâm thì xin thị giới Bồ Tát trong Đại giới đàn này. Đại giới đàn được mở từ mùng một đến mùng tám tháng tư năm Ất Hợi. Trong giới đàn này có đến 1.400 tăng sĩ và nhiều người trong hoàng tộc và triều thần chúa Nguyễn thọ giới. Tháng 7 năm đó, hòa thượng Thạch Liêm lại cho mở một giới đàn ở chùa Di Đà tại Hội An, có hơn 300 người thọ giới.

Với sự hoằng hóa không mệt mỏi của các thiền sư Trung Hoa trong buổi đầu còn hoang vắng tiếng kinh thiên đã làm cho số lượng tín đồ Phật tử ở Đàng Trong không ngừng tăng lên, các chi phái được hình thành. Nhờ sự đào tạo của các thiền sư Trung Hoa, nhiều sư tăng người Việt đã trở thành những thiền sư có tài năng, đức độ, kế tục sự nghiệp truyền pháp giúp cho Phật giáo hưng thịnh và phát triển ở Đàng Trong và còn truyền mãi đến ngày nay.

2.4. Chấn chỉnh xã hội, chấn chỉnh Phật giáo Đàng Trong

Ngoài việc lập giới đàn, truyền bá Phật pháp, các thiền sư Trung Hoa bằng học vấn uyên thâm của mình, qua những lời góp ý sâu sắc, thấu đáo đã phần nào giúp ích cho chúa Nguyễn trong vấn đề cai trị, chấn chỉnh Phật giáo đang có biểu hiện dần suy đồi, biến chất. Vì nguồn sử liệu về hành trạng các thiền sư Trung Hoa ở Đàng Trong giai đoạn này không có nhiều nên ở đây chúng tôi chỉ xin dẫn chứng trường hợp của thiền sư Thạch Liêm.

Hòa thượng Thạch Liêm, tức Đại Sán hòa thượng - một người được ngợi ca: *“học hết ngữ minh chư luận, thông hiểu lý số âm dương, châu du thiên hạ, tiếng tăm đầy rẫy khắp trong ngoài”* [2; tr.13] đã đến Đàng Trong vào năm 1695 theo lời mời của chúa Nguyễn Phúc Chu. Trong thời gian ngụ tại Đàng Trong, ngoài hoạt động hoằng pháp, thiền sư Thạch Liêm thường được chúa mời vào cung đàm đạo. Ông đã viết một bản điều trần *“Đại Việt sự nghi”* dâng lên chúa Nguyễn Phúc Chu gồm 4 nội dung chính: Tiến công Trung triều để chính danh hiệu; đặt đồn thú để củng cố biên thùy; thương yêu quân sĩ để cổ vũ lòng trung dũng; mở trường học để giáo dục nhân tài. Bên cạnh đó, thiền sư thường khuyên chúa những điều *“thương lính, yêu dân, thông thương lợi quốc, kỷ cương pháp độ”*, như *“thanh lý oan ngục, tha tù bị giam cầm, chấn cấp kẻ nghèo thiếu, khởi dụng kẻ yêm trệ, bãi bỏ điều cấm nghiêm khắc, thương xót kẻ buôn bán, thi ân cho thợ thầy. Nói tóm lại, nên đem tất cả các việc giúp người lợi vật, chăm chước cử hành...”* [2; tr.97]. Ngoài việc thực thi những điều trên, theo lời cổ vấn của thiền sư, chúa Nguyễn Phúc Chu đã cho bãi bỏ hình phạt *tượng hình*, nâng đỡ cao tăng ở các tỉnh, ban biển ngạch sắc tứ cùng câu đối cho rất nhiều chùa...

Không chỉ cùng chúa Nguyễn luận bàn việc nước, thiền sư Thạch Liêm còn ra sức chấn chỉnh lại sự suy vi Phật giáo Đàng Trong. Vào thế kỷ XVII - XVIII, Phật giáo

được sùng bái trong dân gian cũng như chốn cung đình, tăng đồ đông nhưng ít kẻ tu hành chân chính. Nguyên nhân do “*cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên tức cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan, do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông*”, và vì vậy dẫn đến sự suy yếu của Phật giáo Đàng Trong “*phật pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những “tôn phái” không ai hỏi đến, mà các việc “Luật”, “Luận” cũng đều xếp xó bỏ qua; đến đổi những kẻ mả ni áo tràng mà nét xấu tật hư còn quá bọn dân quê ngoài làng mạc!*” [2; tr.43]. Thậm chí người được phong là Quốc sư ở Đàng Trong - hòa thượng Hưng Liên cũng không giữ được đạo hạnh và địa vị tôn kính cũ, nên trong thư gửi chúa Nguyễn Phúc Chu, sư Thạch Liêm - vốn là thầy của sư Hưng Liên - đã viết những lời phê phán rất nặng nề về phẩm hạnh của vị hòa thượng này: “*Chỉ tiếc Quốc sư đã thành một vị tỳ kheo bạc đầu, nghĩ rằng chẳng sống còn bao nhiêu ngày, mà gấp lo mưu tính lợi riêng, cam tâm cùng bọn gian hiểm tiểu; suốt sáng thâu đêm dùng hết tâm thuật mưu kế, chỉ mong Quốc Vương chẳng nghe lời ta*” [2; tr.213].

Nhằm chấn chỉnh lại Phật giáo, trong suốt hơn một năm ở lại Thuận Hoá, hoạt động chủ yếu của thiền sư Thạch Liêm là triệu tập tăng chúng toàn quốc, mở ba pháp đàn truyền giáo, qua đó chấn hưng Phật giáo, thanh trừng những phần tử truy lạc. Bên cạnh đó, chúa Nguyễn cũng ra lệnh phát lệnh bài đi các phủ, bắt tăng đồ đem về trình Thạch Liêm hòa thượng, khiến cầu chịu ba đàn giới pháp, mới cấp cho giới điệp, miễn tha sưu thuế.

3. Kết luận

Có thể nói, sự có mặt của các thiền sư Trung Hoa ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII có một ý nghĩa quan trọng, không đơn thuần là bù đắp sự thiếu hụt về số lượng tăng sĩ Phật giáo mà còn đáp ứng yêu cầu thống trị về mặt tinh thần của giai cấp cầm quyền cũng như nhu cầu tâm linh của những người dân Việt ly hương và thực hiện sứ mệnh của nhà Phật gieo hạt giống lành trên mảnh đất hoang cằn, hung hiểm Đàng Trong thuở sơ khai.

Không chỉ lo chấn chỉnh về mặt đạo, các thiền sư Trung Hoa còn đóng góp tâm sức vào việc đời khi được vời vào phủ chúa tham chính, bàn luận về Phật pháp. Chỉ riêng qua trường hợp thiền sư Thạch Liêm, chúng ta cũng thấy được tư tưởng trị nước an dân của các thiền sư Trung Hoa chính là “*thương lính, yêu dân, thông thương lợi quốc, kỷ cương pháp độ*”, góp phần làm mềm dẻo chính sách cai trị của chúa Nguyễn và phần nào có tác dụng an ủi, phủ dụ dân chúng sống một cuộc sống bình yên.

Với việc du nhập các tông phái Phật giáo mới, dựng chùa, thỉnh danh tăng, kinh sách, pháp khí, các thiền sư Trung Hoa đã giúp cho Phật giáo được phục hưng và phát triển mạnh ở Đàng Trong. Mặt khác, qua sự tiếp xúc hằng ngày và lâu dài về sau giữa các thiền sư Trung Hoa với tăng sĩ, dân chúng người Việt, một số yếu tố văn hóa Trung Hoa đã thâm nhập, thấm nhuần, làm đa dạng, phong phú thêm những yếu tố Hoa trong văn hóa Việt trên hành trình giao lưu văn hóa Việt - Hoa đã có từ xa xưa trong lịch sử dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập II*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2] Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại kỷ sự*, Nxb Đại học Huế.
- [3] Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ
- [4] <http://www.quangduc.com/vietnam/35pgtaivn2.pdf>, Nguyễn Hiền Đức, *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong* (bản PDF).
- [5] <http://www.quangduc.com/lichsu/78pgvnsuluocII08.html>, Thích Mật Thể, *Việt Nam Phật giáo sử lược* (bản Word).

**CHINESE BONZES WITH THE DEVELOPMENT OF BUDDHISM
IN COCHINCHINA IN THE SEVENTEENTH AND EIGHTEENTH CENTURY**

Le Thi Thu Hien

The University of Danang – University of Science and Education

ABSTRACT

In the cause of expanding settlements and territory, building a new dynasty firmly at the new land in the South, the Nguyen Lords did not hesitate to choose Buddhism as a support for long-term strategy of gaining the sympathy of the people, stabilization kingship. In fact, the Nguyen Lords, especially Lord Nguyen Phuc Chu, Nguyen Phuc Khoat implemented policies to develop Buddhism, such as restoring and constructing of pagodas, inviting veteran bonzes of high virtues from China, correcting the degradation of Buddhism... However, when speaking of the prevalence of Buddhism in the South (called Đàng Trong) during the seventeenth and eighteenth centuries, we have to mention the merit of the Chinese bonzes with their unexhausted cause of missionary activities (propagation of faith) in this so-called “cruel land”.

* ThS. Lê Thị Thu Hiền - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.